

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 902 /QĐ-BHXXH

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học bảo hiểm xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 884/QĐ-BHXXH ngày 14/6/2016 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Viện trưởng Viện Khoa học bảo hiểm xã hội, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó TGD;
- Cổng Thông tin điện tử BHXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, VKH.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ph
Nguyễn Thế Mạnh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHXH ngày tháng năm 2024 của
Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) của Ngành Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam.

Các nhiệm vụ KH&CN sử dụng nguồn vốn khác ngoài kinh phí của BHXH Việt Nam được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

- a) Đơn vị quản lý các nhiệm vụ KH&CN của BHXH Việt Nam là Viện Khoa học BHXH.
- b) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Ngành BHXH Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại quy định này là định mức tối đa. Căn cứ quy định này Viện Khoa học BHXH và các tổ chức, cá nhân lập dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý căn cứ vào đặc điểm, tình hình giá cả tại địa phương phát sinh chi phí để thực hiện, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Quy định này.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN cụ thể như sau:

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

c) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thư ký khoa học

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một thư ký khoa học.

3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Trong một nhiệm vụ có nhiều nội dung, công việc nghiên cứu. Mỗi công việc nghiên cứu được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ.

6. Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, cụ thể như sau:

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 5. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

Hệ số lao động khoa học của các chức danh

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3

3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN cụ thể như sau:

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

Điều 6. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ không quá 20 triệu đồng/người/tháng; cấp Cơ sở không quá 12 triệu đồng/người/tháng.

3. Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, được Hội đồng khoa học xem xét và được BHXH Việt Nam phê duyệt. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

Điều 7. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Quy định này được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN} : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy định này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

Điều 8. Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học

Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3 Quy định này được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK} : Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy định này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

Điều 9. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo tháng

Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định Khoản 1, Điều 5 Quy định này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy định này;

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

Điều 10. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng thực hiện nhiệm vụ

Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh nhiệm vụ cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma tn/22)$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy tại Khoản 1, Điều 5 Quy định này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy định này;

Σ tn: Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN (tn < 22).

Điều 11. Thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ

1. Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ.

2. Định mức thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

Điều 12. Thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ

1. Các trường hợp được thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ:

a) Khi nhiệm vụ có các nội dung nghiên cứu cần chuyên gia phối hợp giải quyết;

b) Việc thuê chuyên gia được thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước

Thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC

3. Dự toán thuê chuyên gia ngoài nước

Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

4. Các trường hợp thuê chuyên gia vượt mức quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ yêu cầu công việc cần thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết và kết quả dự kiến của việc thuê chuyên gia, lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ để Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xem xét, đánh giá, trình BHXH Việt Nam quyết định.

Điều 13. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định

Dự toán chi được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc mua

sắc phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

1. Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

2. Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Điều 14. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC

1. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu cụ thể:

Nội dung và mức chi thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Ngoài các nội dung chi nêu trên, định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH &CN cấp Bộ	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH &CN cấp Cơ sở
1	Người chủ trì:	1.500/buổi	1.000/buổi
2	Thư ký Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	350/buổi	200/buổi
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	2.000/báo cáo	1.200/báo cáo

STT	Nội dung công việc	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH &CN cấp Bộ	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH &CN cấp Cơ sở
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức Hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại Hội thảo	1.000/báo cáo	600/báo cáo
5	Đại biểu được mời tham dự	200/buổi	150/buổi

2. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học của Ngành BHXH Việt Nam: được thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học tại Khoản 4, Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Điều 15. Dự toán điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 9, Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 16. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có)

Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 20 Quy định này.

Điều 17. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

2. Các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ

KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của Tổ chức chủ trì.

Điều 18. Dự toán các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có)

Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 19. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BTC

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có):

- a) Chi tiền thù lao, công tác phí cho các thành viên Hội đồng;
- b) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;
- c) Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng, thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi hoạt động của Tổ Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thành lập theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chi thù lao, công tác phí của chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (nếu có).

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

5. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

6. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

- a) Chi công tác phí cho Đoàn Kiểm tra;
- b) Chi họp Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá).

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 20. Các định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC

1. Chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền thù lao của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	<i>Chi họp HĐ tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN</i>	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.500
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
2	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
3	<i>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</i>	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		700
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		500

b) Chi thù lao họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Đối với nhiệm vụ KH &CN cấp Bộ	Đối với nhiệm vụ KH &CN cơ sở
1	Chi về tư vấn tuyển chọn,			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Đối với nhiệm vụ KH & CN cấp Bộ	Đối với nhiệm vụ KH & CN cơ sở
	giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
A	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	800
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	600
	Thư ký khoa học		300	200
	Thư ký hành chính		300	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
B	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu NXĐG		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		600	400
2	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
A	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	800
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000	600
	Thư ký khoa học		300	200
	Thư ký hành chính		300	200
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
B	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên		400	300

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi	
			Đối với nhiệm vụ KH & CN cấp Bộ	Đối với nhiệm vụ KH & CN cơ sở
	Hội đồng			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600	400
3	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	1.000	600

c) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.

d) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có)

2. Chi hoạt động của Tổ Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH & CN cấp Bộ	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH & CN cơ sở
1	Tổ trưởng Tổ Thẩm định	Nhiệm vụ	700	500
2	Thành viên Tổ Thẩm định	Nhiệm vụ	500	350
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của Tổ Thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

3.1. Trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê chuyên gia tư vấn độc lập để:

- Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;
- Xác định nhiệm vụ đặt hàng;

c) Cho ý kiến trước khi quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ;

d) Xem xét, đánh giá thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

d) Kiểm tra, đánh giá tổ chức, cá nhân chủ trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

e) Tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ;

g) Xây dựng báo cáo đề xuất với cơ quan quản lý chương trình KH&CN cấp quốc gia về các nội dung đề tổ chức, triển khai có hiệu quả các mục tiêu của chương trình.

3.2. Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê tổ chức tư vấn độc lập quy định tại Khoản 6, Điều 3 Quy định này.

3.3. Định mức thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Định mức một số khoản chi khác

4.1. Chi thông báo tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4.2. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho Đoàn Kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ KH&CN (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức

chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 20.

4.3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 21. Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán theo quy định của BHXH Việt Nam, Viện Khoa học BHXH tổng hợp, xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học của Ngành gửi Vụ Tài chính- Kế toán.

1. Đối với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng, thuyết minh theo Chương II Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN căn cứ vào các định mức quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước làm căn cứ xây dựng dự toán. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết và chịu trách nhiệm về căn cứ lập dự toán.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

2. Đối với dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán theo quy định, căn cứ vào kế hoạch hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN của năm kế hoạch và định mức chi tại Quy định này, Viện Khoa học BHXH xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN, tổng hợp vào dự toán nghiên cứu khoa học để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và KH&CN.

Điều 22. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Căn cứ nhiệm vụ KH&CN được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam phê duyệt, Viện Khoa học BHXH giúp Tổng Giám đốc tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định.

Các đơn vị, tổ chức được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí được giao theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chuyển nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 23. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các quy định của BHXH Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Viện Khoa học BHXH và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về BHXH Việt Nam để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.